

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HOÀI NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 226/2025/HNGĐ-ST

Ngày 26-6-2025

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Siêng
Ông Cao Hữu Bằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Tuyết Mai – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025 tại Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2025 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh ngày 07/01/1992, Căn cước công dân số: 052192023186, quê quán: Phường B, thị xã H, tỉnh Bình Định, nơi thường trú: Khu phố L, phường B, thị xã H, tỉnh Bình Định, nơi đăng ký kết hôn: Ủy ban nhân dân phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định. (Đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Đỗ Văn T, sinh ngày 09/01/1993, Chứng minh nhân dân số: 215265355, quê quán: Phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định, nơi thường trú: Khu phố L, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định, nơi đăng ký kết hôn: Ủy ban nhân dân phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà D trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Đỗ Văn T đăng ký kết hôn ngày 13/8/2020 tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định (Giấy

chứng nhận kết hôn số 51). Quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hòa hợp trong tính cách, chồng đi làm không đưa tiền cho vợ nuôi con. Vợ chồng đã không sống chung được một thời gian. Nay bà D không thể tiếp tục chung sống với ông T được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 01 con tên Đỗ Phúc K sinh ngày 23/12/2020. Khi ly hôn bà D yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con.

Về tài sản, nợ chung: Không có.

- *Tại bản tự khai đề ngày 25/3/2025, bị đơn ông Đỗ Văn T trình bày:* Ông không đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà D. Ông không bỏ vợ, con. Trường hợp bà D ly hôn thì ông yêu cầu nuôi con chung, không cần cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo qui định. Vụ án đúng thời hạn chuẩn bị xét xử theo qui định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của bà D, cho ly hôn với ông T, giao con chung tên Đỗ Phúc K, sinh ngày 23/12/2020 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà D không yêu cầu cấp dưỡng cho con, về tài sản không yêu cầu nên không xem xét, bà D phải chịu án phí theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà D yêu cầu ly hôn ông T, yêu cầu giải quyết về con chung khi ly hôn nên theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự quan hệ pháp luật được xác định là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại: Khu phố L, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định nên theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà D đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên theo khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về hôn nhân: Bà D và ông T đã không chung sống với nhau một thời gian, vợ chồng đã không còn quan tâm gì đến nhau. Trong thời gian Tòa án giải quyết ly hôn, bà D và ông T cũng không sống chung, không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm. Có thể thấy, hôn nhân giữa bà D và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho bà

D ly hôn ông T.

[4] Về con chung: Cháu Đỗ Phúc K sinh ngày 23/12/2020 đang do bà D chăm sóc nuôi dưỡng, có cuộc sống ổn định, bình thường. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của cháu K cần giao cháu cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng cho con: Bà D tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho cháu K nên ghi nhận.

[6] Về tài sản, nợ chung: Không có nên không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Theo qui định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án thì bà D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị D. Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị D và ông Đỗ Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Phúc K sinh ngày 23/12/2020 cho bà Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị D không yêu cầu ông Đỗ Văn T cấp dưỡng cho con.

4. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, các bên có

quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng cho con theo qui định của pháp luật.

5. Về tài sản, nợ chung: Không có.

6. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Bà D đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007180 ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định nên được khấu trừ, bà D đã nộp xong.

7. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã Hoài Nhơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hồng Hoàng